

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 25-11-2019  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tươi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; cư trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T; cư trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại Thôn L, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, hai người hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống, tính

cách không hợp; anh T mắc nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải, góp ý nhưng không có kết quả. Từ năm 2006, đến nay chị và anh Đinh Văn T đã sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Văn L, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1995 và Đinh Thu T, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2001. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản: Ly hôn, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 9 năm 2019, bị đơn là anh Đinh Văn T trình bày xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau do có những bất đồng trong tính cách, quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, bất hòa. Từ năm 2006 đến nay anh và chị N đã sống ly thân, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh đồng ý và thuận tình ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Đinh Văn L, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1995 và Đinh Thu T, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2001. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Đinh Văn L đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản chung: Anh Đinh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T; về con chung: Các con chung Đinh Văn L, sinh ngày 25/7/1995 và Đinh Thu T, sinh ngày 29/10/2001 đều đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống, về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Đinh Văn T đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 1994. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh T tại Thôn L, xã Đ, huyện An Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm, cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T có quan điểm thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T có 02 con chung là Đinh Văn L, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1995 và Đinh Thu T, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2001. Xét thấy các con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T đều đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Nguyễn Thị N đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (theo Biên lai thu tiền số 0004449 ngày 09 tháng 9 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Tươi**